

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2020.

Số: 461/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 461/2020/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Bà ĐTH**, sinh năm 1974; căn cước công dân số 037174002620 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18.6.2019.

Địa chỉ cư trú: CH605 nhà N3A, khu TH-NC, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Ông NDH**, sinh năm 1971; giấy chứng minh nhân dân số 011897581 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21.4.2003; Địa chỉ cư trú: CH605 nhà N3A, khu TH-NC, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã

hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **Bà ĐTH**, sinh năm 1974; căn cước công dân số 037174002620 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18.6.2019.

Địa chỉ cư trú: CH605 nhà N3A, khu TH-NC, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Ông NDH**, sinh năm 1971; giấy chứng minh nhân dân số 011897581 do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21.4.2003; Địa chỉ cư trú: CH605 nhà N3A, khu TH-NC, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà ĐTH và ông NDH thuận tình ly hôn.

2.2. Về giao nuôi con: Bà ĐTH và ông NDH có 02 con chung là NLG, sinh ngày 13.7.1999 và NLP, sinh ngày 07.12.2008.

Khi ly hôn, cháu NLG đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao bà ĐTH trực tiếp nuôi dưỡng con chung NLP, sinh ngày 07.12.2008, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông NDH.

Ông NDH có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở.

2.3. Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Bà ĐTH và ông NDH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà ĐTH chịu toàn bộ án phí ly hôn, án phí giao nuôi con bao gồm cả phần của ông NDH phải chịu, tổng án phí của vụ án là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0000338 ngày 09.7.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Bà ĐTH được nhận lại 150.000 đồng.

4.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận TX;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).